TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2023/DS-PT
Ngày: 30-9-2023
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂNDANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nghĩa và bà Hoàng Thị Thanh Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Thuý - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 29-30/9/2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 50/2023/TLPT- DS ngày 04/8/2023 về tranh chấp quyền sử dụng đất, do Bản án dân sự sơ thẩm số: 21/2023/DS – ST ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2928/2023/QĐ-PT ngày 24/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Mai Thị H; địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình; có mặt khi tuyên án.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Quang H, sinh năm 1988; địa chỉ: Tổ dân phố 2, phường Bắc Lý, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình *(theo văn bản ủy quyền ngày 13/9/2023);* có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân S và bà Nguyễn Thị L; địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình; bà L có mặt, ông S vắng mặt nhưng đã có văn bản ủy quyền cho bà L.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Đinh Thế H - Văn phòng Luật sư Bách Sự T; địa chỉ: P301, ngõ 89 N, phường Dịch Vọng Hậu, quận C, thành phố Hà Nội; có mặt.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- UBND huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có đơn xin xét xử vắng mặt.

- UBND xã H, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình- Đại diện theo pháp luật: ông Phạm Văn L, chức vụ: Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/7/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Mai Thị H trình bày:

Năm 2017, gia đình bà được UBND huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 628621 ngày 07/9/2017 có diện tích là 873,7m^2, trong đó đất ở 200m^2, đất trồng cây hàng năm khác 673,7m^2 tại thửa đất số 103, tờ bản đồ số 08; địa chỉ thửa đất: thôn C, xã H, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Đến tháng 5/2022, sau khi kiểm tra đất mới phát hiện phía Tây giáp thửa đất số 102 của ông Nguyễn Văn S, bà Nguyễn Thị L đã xây tường ngăn và làm hàng rào (tường rào xây bằng bờ lốc và thùng nhựa đổ bê tông) lấn sang phần đất của bà khoảng 200m^2. Sau nhiều lần nhờ chính quyền xã giải quyết, tổ chức hòa giải nhưng không thành; ông S, bà L vẫn kiên quyết xây hàng rào lấn sang phần diện tích đất thuộc quyền sử dụng của bà và cho rằng việc ông bà xây là đúng. Vì vậy, bà làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn S và bà Nguyễn Thị L tháo dỡ tường rào đã xây và số thùng nhựa có đựng bê tông trên phần đất lấn chiếm để trả lại 200m^2. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và buộc bị đơn tháo dở hàng rào và số thùng nhựa có đổ bê tông để trả lại diện tích đất lấn chiếm khoảng 134m^2 tại thửa đất số 103, tờ bản đồ số 08 tại thôn C, xã H, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình cho gia đình bà.

- Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Xuân S và bà Nguyễn Thị L trình bày:

Năm 1995, gia đình ông bà được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 870m^2 tại thôn C, xã H, huyện quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình mang tên Nguyễn Thị L. Sau đó qua nhiều lần cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến năm 2007 được UBND huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 703040 ngày 21/11/2007 tại thửa đất số 102, tờ bản đồ số 8, diện tích 779m^2, trong đó đất ở 200m^2, đất trồng cây hàng năm khác 579m^2; quá trình sử dụng không có biến động thay đổi gì nhưng thực tế đất có biến động nên gia đình đã làm đơn yêu cầu thay đổi biến động về đất đang sử dụng nhưng chưa có kết quả. Nay bà H yêu cầu tháo dở hàng rào (xây bằng bờ lô xi măng và thùng nhựa có chứa bê tông) lấn chiếm diện tích đất của bà H khoảng 200m^2 có chiều dài khoảng 40m và chiều rộng khoảng 5m, gia đình ông bà không đồng ý, vì đất của gia đình ông bà đang sử dụng còn thiếu so với diện tích được nhà nước cấp.

- Theo kết quả xem xét thẩm định tại chổ và đo vẽ các thửa đất 102, 103 vào ngày 14/3/2023 đã xác định phần đất các bên đang có tranh chấp với diện tích 119,2m^2, có các cạnh như sau:

+ Phía Đông Bắc giáp thửa đất 103 (từ điểm 18 đến điểm 33) có kích thước 34,36m;

+ Phía Tây Nam giáp thửa đất 102 (từ điểm 16 đến điểm 18 có 10 thùng nhựa đựng bê tông) có kích thước 18,75m + 17,73m;

+ Phía Tây Bắc giáp đường giao thông (từ điểm 16 đến điểm 33 có xây hàng rào bằng bờ lô xi măng; chiều dài 6,6m, chiều rộng 0,15m, chiều cao 0,80m) có kích thước 6,6m.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số : 21/2023/DS-ST ngày 23/6/2023, Toà án nhân dân huyện Quảng Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; các Điều 34, 35, 39, 92, 147, 157, 165, 266, 271, 273, 164, 166, khoản 3 Điều 254 của Bộ luật dân sự năm 2015; các điều 100,

166, 170 và 202, 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Buộc ông Nguyễn Xuân S, bà Nguyễn Thị L tháo dỡ hàng rào xây bằng bơ lô xi măng, hoàn thiện đơn giản có chiều dài 6,6m và 10 thùng nhựa có đựng bê tông để trả lại quyền sử dụng đất 119,2m^2,có các cạnh như sau: Phía Đông Bắc giáp thửa đất 103 (từ điểm 18 đến điểm 33) có kích thước 34,36m; Phía Tây Nam giáp thửa đất 102 (từ điểm 16 đến điểm 18 có 10 thùng nhựa đựng bê tông) có kích thước 18,75m + 17,73m; Phía Tây Bắc giáp đường giao thông (từ điểm 16 đến điểm 33 có xây hàng rào bằng bờ lô xi măng, chiều dài 6,6m, chiều rộng 0,15m, chiều cao 0,80m) có kích thước 6,6m cho bà Mai Thị H tại thửa đất số 103, tờ bản đồ số 8 diện tích 873,7m^{2}ở thôn C, xã H, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01540 do UBND huyện Quảng Ninh cấp ngày 07/9/2017 mang tên bà Mai Thị H.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định vấn đề án phí , tiền tạm ứng án phí ; tuyên việc chịu lãi đối với khoản tiền chậm thi hành án , quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án, yêu cầu thi hành án, việc bị cưỡng chế thi hành án , vấn đề thời hiệu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

- Ngày 29/6/2023, ông Nguyễn Xuân S và bà Nguyễn Thị L kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, chuyển cơ quan Cảnh sát điều tra giải quyết theo trình tự tố tụng hình sự đối với hành vi của những người đồng lõa thực hiện thủ đoạn gian dối, trái pháp luật để chiếm đoạt giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1995 và 91 m^2 đất của gia đình ông bà.

- Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm và không có ý kiến gì thêm.

- Bị đơn và luật sư không cung cấp thêm các tài liệu chứng cứ gì mới và đề nghị hủy án sơ thẩm để xét xử lại vì các lý do: Nguồn gốc thửa đất của bị đơn được nhà nước cấp giấy chứng nhận vào năm 1995 có diện tích 870m^2; nhưng không biết lý do gì năm 2007 được cấp đổi còn 779m^2, trong khi không có bất cứ quyết định thu hồi nào là vi phạm quy định của pháp luật đất đai. Từ khi được cấp đổi vào năm 2007 cho đến nay, phía bị đơn đã liên tục khiếu nại và gửi đơn nhiều nơi nhưng không được các cơ quan có thẩm quyền trả lời giải quyết. Hiện nay diện tích đất sử dụng trên thực tế của bị đơn đúng với diện tích đất đã được cấp năm 1995, cho nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả lại đất do bị lấn chiếm là không có căn cứ. Ngoài ra, trong quá trình gia đình sử dụng đất bị đơn còn thấy khoảng năm 2018-2020 ông Nam có mua đất của bà H, ông Đe, ông Đào và sau này ông Nam đã bán đất lại cho ông Ngữ, cho nên sau khi bán đất cho ông Nam thì diện tích còn lại của bà H chỉ còn 709m^2. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào GCNQSDĐ đã cấp cho bị đơn vào năm 2007 mà không xem xét diện tích đất đã cấp cho bị đơn vào năm 1995 để giải quyết vụ án là chưa khách quan toàn diện và việc tuyên buộc bà L trả lại cho bà H 119m^2 là không có cơ sở và không đúng thực tế.

- Ý kiến phát biểu về việc giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nội dung tóm tắt như sau:

+ Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; giữ nguyên bản án sơ thẩm và tuyên buộc đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Do không đồng ý với quyết định của Bản án sơ thẩm số 21/2023/DS-ST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, bị đơn ông Nguyễn Xuân S và bà Nguyễn Thị L kháng cáo Bản án số 21/2023/DS-ST ngày 23/6/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh. Đơn kháng cáo làm trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

[2] Theo nội dung biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 02/7/2021 (BL:02) Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 05/7/2022 (BL: 04) và Công văn số: 83/UBND, ngày 26/8/2022 của UBND xã H (BL: 63) và các tài liệu lưu trữ qua các thời kỳ thì các thửa đất mà các bên có tranh chấp có nguồn gốc như sau:

- Về nguồn gốc thửa đất 102 của bà Nguyễn Thị L: Theo bản đồ 299 được phê duyệt năm 1995, gia đình bà L được cấp GCNQSĐ đối với thửa đất số 51, tờ bản đồ số 3, diện tích 870m^2 tại Thôn C, xã H, tỉnh Quảng Bình và được UBND huyện Quảng Ninh cấp GCNQSĐĐ mang tên Nguyễn Thị L vào ngày 29/9/1995 (BL:61). Năm 2007, thửa đất số 51 được cấp đổi GCNQSDĐ thành thửa đất số 102, tờ bản đồ số 8, diện tích 779m^2, trong đó có 200m^2 đất ở và 579m^2 đất trồng cây hàng năm khác; địa chỉ thửa đất: Thôn C, xã H, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình được UBND huyện Quảng Ninh cấp GCNQSDĐ số phát hành AI 703040, ngày 21/11/2007 mang tên Nguyễn Thị L (BL:59) *(sau đây gọi là thửa đất 102).*

- Ngày 07/9/2017, bà Mai Thị H được UBND huyện Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CG 628621 có diện tích là 873,7m^2, trong đó đất ở 200m^2, đất trồng cây hàng năm khác 673,7m^2 tại thửa đất số 103, tờ bản đồ số 08 tại thôn C, xã H, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình *(sau đây gọi là thửa đất 103).*

Sau khi các đương sự được cấp các GCNQSDĐ nêu trên thì giữa các bên không xảy chấp, không có khiếu nại khiếu kiện gì. Tuy nhiên, vào khoảng tháng 5/2022 sau khi kiểm tra lại đất bà H mới phát hiện gia đình ông S, bà L đã tự ý cơi nới, xây dựng hàng rào lấn chiếm trên một phần diện tích đất của bà H nên mới xảy ra tranh chấp. Sự việc này bà H đã báo cáo chính quyền địa phương can thiệp và được UBND xã H lập biên bản sự việc vào ngày 21/6/2022 (BL:11).

[3] Đối với gia đình ông S, bà L thì sau khi được cấp đổi GCNQSDĐ vào năm 2007 tại thửa đất số 102, diện tích 779m^2, gia đình bà L đã nhiều lần sử dụng GCNQSDĐ được cấp đổi năm 2007 để thế chấp vay vốn tại Quỹ Tín dụng xã Gia Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình trong các năm 2013, 2015, 2017 để vay vốn làm ăn và lần xóa thế chấp gần nhất vào ngày 03/02/2021 (BL:59-60). Qua đó có đủ cơ sở xác định ông S, bà L đã biết GCNQSDĐ được cấp đổi vào năm 2007 bị thiếu 91m^2 so với GCNQSDĐ được cấp lần đầu vào năm 1995 với diện tích 870m^2, nhưng gia đình bà L không có bất cứ ý kiến phản đối nào và mặc nhiên công nhận đối với diện tích đất đã được cấp đổi vào năm 2007 theo GCNQSDĐ là 779m^2.

Trong quá trình giải quyết vụ án ông S, bà L luôn nại ra lý do mà diện tích gia đình bị thiếu là do lãnh đạo UBND xã H và các cán bộ địa chính xã qua các thời kỳ đã cố ý cấu kết với bà H để thu giữ GCNQSDĐ của gia đình bà được cấp năm 1995 với diện tích 870m^2 và tự ý thực hiện việc cấp đổi GCNQSDĐ vào năm 2007 chỉ còn diện tích 799m^2 nhằm chiếm đoạt một phần diện tích đất của bà để cấp cho bà H, cho nên từ năm 2007 cho đến nay ông bà đã khiếu nại nhiều nơi nhưng không được cơ quan nào giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án bà L không có bất cứ tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh cho việc gia đình bà đã thực hiện việc khiếu nại như bà trình bày. Tại cấp phúc thẩm, bà L còn cho rằng bà H đã bán một phần diện tích cho người khác nhưng cũng không đưa ra bất cứ tài liệu chứng cứ để chứng minh cho sự việc này.

[4] Theo kết quả đo vẽ lần 2 vào ngày 14/3/2023 (BL: 134) đã thể hiện diện tổng diện tích trên thực tế do bà L tự dẫn đạc và xây dựng các công trình trên đất là 892,8m^2 thừa 113,8m^2 so với GCNQSDĐ đã được cấp năm 2007. Tuy nhiên, theo ranh giới được thể hiện trên bản đồ địa chính thì phần đất gia đình ông S, bà L đang sử dụng và xây hàng rào, đặt các thùng nhựa đổ bê tông có diện tích 119,2m^2 và toàn bộ phần diện tích đất này nằm trong diện tích đất đã được cấp cho bà H vào năm 2017; cụ thể: Ông Nguyễn Xuân Svà bà Nguyễn Thị L đã xây hàng rào bằng bờ lô xi măng phía Tây Bắc (có chiều dài 6,6m, chiều rộng 0,15m, chiều cao 0,80m); phía Đông Bắc có 10 thùng nhựa đựng bê tông làm ranh giới phân chia là đất của bà H. Căn cứ vào diện tích đất đã được GCNQSDĐ cho các bên và kết quả đo vẽ trên thực tế; cấp sơ thẩm đã tuyên buộc ông S bà L trả lại 119,2m^2 đất do lấn chiếm, đồng thời buộc tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất lấn chiếm để trả lại cho bà H là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[5] Về chi phí tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm đã chi cho việc xem xét thẩm định, định giá tài sản hết 10.400.000 đồng; trong đó, ông S và bà L đã nộp 2 lần với tổng số tiền 9.500.000 đồng; bà H đã nộp 3.500.000 đồng và đã nhận lại số tiền 2.600.000 đồng. Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận nên không phải chịu chi phí tố tụng, ông S và bà L phải chịu toàn bộ số tiền 10.400.000 đồng. Ông S và bà L đã nộp số tiền 9.500.000 đồng nên phải có nghĩa vụ trả lại số tiền còn thiếu cho bà H là 900.000 đồng

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông S và bà L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Xuân S và bà Nguyễn Thị L; giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 21/2023/DS-ST ngày 26/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Căn cứ khoản 9 Điều 26; Điều 37; Điều 147, 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 50 Luật đất đai 1993; các Điều 97, 100, 202, 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị H về việc tranh chấp quyền sử dụng đất và buộc tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất bị lấn chiếm.

- Buộc ông Nguyễn Xuân S, bà Nguyễn Thị L phải trả lại 119,2m^2 đã lấn chiếm của bà Mai Thị H tại thửa đất số 103, tờ bản đồ số 8 diện tích 873,7m^2; địa chỉ thửa đất: thôn C, xã H, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 01540 do UBND huyện Quảng Ninh cấp ngày 07/9/2017 mang tên bà Mai Thị H; có tứ cạnh như sau: *(có sơ đồ đo vẽ ngày 14/3/2023 kèm theo là một phần không thể tách rời của bản án-BL:134)*

+ Phía Đông Bắc giáp thửa đất 103 *(từ điểm 18 đến điểm 33 trên sơ đồ)*, có kích thước 34,36m;

+ Phía Tây Nam giáp thửa đất 102 *(từ điểm 16 đến điểm 18 trên sơ đồ)*, có kích thước 18,75m + 17,73m;

+ Phía Tây Bắc giáp đường giao thông *(từ điểm 16 đến điểm 33 trên sơ đồ)*, có kích thước 6,6m

- Buộc ông Nguyễn Xuân S, bà Nguyễn Thị L phải tháo dỡ, phá bỏ các công trình xây dựng trên diện tích 119,2m^2 đất lấn chiếm gồm: Tháo dỡ, phá bỏ hàng rào xây bằng táp lô, hoàn thiện đơn giản có chiều dài 6,6m, chiều rông 0,15m, chiều cao 0,80m (từ điểm 16 đến điểm 33 trên sơ đồ) và 10 thùng nhựa đựng bê tông (từ điểm 16 đến điểm 18 trên sơ đồ)

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Xuân S, bà Nguyễn Thị L phải chịu nộp 10.400.000 đồng chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản và đo vẽ, nhưng được trừ vào số tiền 9.500.000 đồng nộp. Vì vậy, buộc ông Nguyễn Xuân S, bà Nguyễn Thị L phải trả lại số tiền 900.000 đồng cho bà Mai Thị H.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người thi hành án chậm thi hành án thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo mức lãi suất do bên được thi hành án và bên phải thi hành án thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

+ Yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị H được chấp nhận nên không phải chịu án phí sơ thẩm. Trả lại cho bà Mai Thị H số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số: 31AA/2021/0003898, ngày 07/10/2022 của Chị cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh.

+ Ông Nguyễn Xuân Svà bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Nguyễn Xuân S và bà Mai Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền mà ông Nguyễn Xuân Svà bà Nguyễn Thị L đã nộp tại biên lai số 31AA/2021/0004117 ngày 06/7/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình. Xác nhận đương sự đã nộp đủ án phí phúc thẩm.

4. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (30/9/2023)

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- TAND huyện Quảng Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Trung Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Nghĩa **Hoàng Thị Thanh Nhàn** **Trần Trung Thành**